

**Bộ chia khí**  
**NPQM-LFK-G18-Q4-P10**  
Số bộ phận: 558837

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                             |
|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                          |
| Chiều rộng định mức                             | 3 mm                                                                |
| Loại đệm kín trên ngông vận vít                 | Vòng đệm                                                            |
| Thiết kế                                        | Hình chữ L, loại kép, lối ra F                                      |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                  |
| Cấu trúc xây dựng                               | Nguyên tắc đẩy-kéo                                                  |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...1.6 MPA<br>-0.95 bar...16 bar<br>-13.775 psi...232 psi |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                            |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                   |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -20 °C...70 °C                                                      |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 6 N m                                                               |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 20 %                                                              |
| trọng lượng sản phẩm                            | 40 g                                                                |
| Kiểu gắn                                        | Ổ cắm lục giác SW4                                                  |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài G1/8                                                      |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 4 mm                                    |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                       |
| Vật liệu vỏ                                     | Đồng thau, mạ niken                                                 |
| Vật liệu vít rỗng                               | Đồng thau, mạ niken                                                 |
| Vật liệu vòng đệm kín ống mềm                   | NBR                                                                 |